

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM THUẬN NAM  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Tâm

2. Ông Thông Minh Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Thế là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 21/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trương Thị H, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: số 20 thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh T, sinh năm 1964.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh T:* bà Trương Thị H, sinh năm 1958. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021)

Cùng địa chỉ: số 20 thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Bà và bà Hồ Thị Thanh L có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào năm 2016 bà có tham gia 09 dây hui do bà Hồ Thị Thanh L làm chủ, cụ thể:

+ Dây hui mở ngày 15/01/2016 âm lịch gồm 16 thành viên, bà tham gia một phần hui đóng 2.000.000 đồng/kỳ hui, bà đã đóng được 11 kỳ hui với tổng số tiền là 22.000.000 đồng, trong đó số tiền hui sống thực tế đã đóng là 1.800.000 đồng/kỳ hui.

+ 02 dây hui mở ngày 25/01/2016 âm lịch mỗi dây gồm 18 thành viên, bà tham gia mỗi dây một phần hui với số tiền 3.000.000 đồng/phần/kỳ hui, đã đóng mỗi dây 11 kỳ tương ứng với số tiền 33.000.000 đồng/dây hui. Tổng số tiền đã đóng của hai dây hui là 66.000.000 đồng, trong đó số tiền hui sống thực tế đã đóng là 2.750.000 đồng/kỳ hui/dây hui.

+ 02 dây hui mở ngày 30/02/2016 âm lịch mỗi dây có 18 thành viên, bà tham gia đóng 01 phần hui/dây và đóng mỗi dây với số tiền 3.000.000 đồng/kỳ hui và đã đóng được mỗi dây 10 kỳ hui với số tiền 30.000.000 đồng/dây hui, tổng số tiền bà đã đóng của hai dây hui này là 60.000.000 đồng, trong đó số tiền thực tế đã đóng là 2.750.000 đồng/kỳ hui/dây hui.

+ Dây hui mở ngày 05/4/2016 âm lịch có 15 thành viên, bà tham gia đóng một phần hui với số tiền 3.000.000 đồng/kỳ hui và đã đóng được 08 kỳ hui tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng, trong đó số tiền hui sống thực tế đã đóng là 2.750.000 đồng/kỳ hui.

+ 02 dây hui mở ngày 10/5/2016 âm lịch mỗi dây hui có 14 thành viên, mỗi dây bà tham gia đóng 01 phần hui, mỗi phần hui đã đóng 07 kỳ hui với số tiền 2.000.000 đồng/kỳ hui/dây hui tương ứng với số tiền đã đóng của hai dây hui này là 28.000.000 đồng, trong đó số tiền hui sống thực tế đã đóng là 1.800.000 đồng/kỳ hui/dây hui.

+ Dây hui mở ngày 20/7/2016 âm lịch có 15 thành viên, bà tham gia đóng 01 phần hui với số tiền 3.000.000 đồng/kỳ hui, bà đã đóng được 05 kỳ hui tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng, trong đó số tiền thực đóng là 2.800.000 đồng/kỳ hui.

Như vậy, với 09 dây hui bà đã đóng cho bà Hồ Thị Thanh L với tổng số tiền 215.000.000 đồng. Tháng 11/2016, bà Hồ Thị Thanh L bỏ đi và không trả lại tiền hui cho bà, nhiều lần bà yêu cầu nhưng bà L xin gia hạn thời gian trả nợ hui nhưng đến nay không trả, đây là tài sản chung của bà và chồng bà là ông Huỳnh T. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà và ông Huỳnh T số tiền 215.000.000 đồng tiền hui còn nợ. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng, bà chỉ yêu cầu bà Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền 195.500.000 đồng nợ hui, đây là khoản tiền hui sống thực tế bà đã đóng cho bà Hồ Thị Thanh L. Kèm theo đơn khởi kiện bà cung cấp “Sổ huê” là tài liệu mà trước đây bà Hồ Thị Thanh L lập và cấp cho hui viên để chứng minh.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị Thanh L trình bày:

Bà thừa nhận có lập và làm chủ các dây hui vào năm 2016 âm lịch, trong đó có bà Trương Thị H là thành viên tham gia dây hui mở vào các ngày

15/01/2016, 05/4/2016, 10/5/2016, và 20/7/2016 âm lịch. Quá trình làm chủ hội, bà có lập sổ hội và có ghi chi tiết ngày khai hội, các thành viên tham gia dây hội, số tiền hội đã đóng, liệt kê việc hội viên đóng tiền hội (liệt kê bằng cách đánh dấu “+” nghĩa là mỗi dấu “+” là một kỳ hội và hội viên đã đóng tiền hội). Khi tham gia các dây hội do bà tổ chức nêu trên, bà Trương Thị H đã đóng cho bà với tổng số tiền hội là 68.600.000 đồng, cụ thể: Dây hội mở ngày 15/01/2016 bà Trương Thị H đã đóng 14.000.000 đồng, 02 dây hội mở ngày 05/4/2016 bà Trương Thị H đã đóng số tiền 29.400.000 đồng, 02 dây hội mở ngày 10/5/2016 bà Trương Thị H đã đóng số tiền 16.800.000 đồng, dây hội mở ngày 20/7/2016 bà Trương Thị H đã đóng số tiền 8.400.000 đồng, tháng 11/2016 thì bế hội. Tuy nhiên, bà đã trả cho bà Trương Thị H số tiền 65.000.000 đồng vào tháng 10/2016, khi giao tiền không lập giấy tờ mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, bà chỉ còn nợ của bà Trương Thị H số tiền 3.600.000 đồng tiền hội nhưng số tiền này đã được cân trừ vào tiền mua trái cây và hoa cúng mà bà Trương Thị H còn nợ của bà. Do đó, đến nay bà không còn nợ bà Trương Thị H khoản tiền hội nào. Trong vụ án này bà không có yêu cầu phản tố.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T và người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tân là bà Trương Thị H trình bày:* ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, số tiền bà Trương Thị H đóng hội cho bà Hồ Thị Thanh L là tài sản chung vợ chồng của ông và bà Trương Thị H. Ông yêu cầu bà Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho ông và bà Trương Thị H số tiền 195.500.000 đồng tiền hội còn nợ.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, buộc Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả số tiền 68.600.000 đồng nợ hội cho bà Trương Thị H và ông Huỳnh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà Trương Thị Hoàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả số tiền 195.500.000 đồng nợ hội, căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hội”. Bị đơn bà Hồ Thị Thanh L có nơi cư trú tại thôn Dân Phú, xã

Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Ông Huỳnh Tân vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bà Trương Thị H đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Tân.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về việc tham gia các dây hụi do bà Hồ Thị Thanh L làm chủ: bà Trương Thị Hoàng xác định có tham gia 09 dây hụi, phần hụi và số tiền hụi đã đóng cho bà Hồ Thị Thanh L như đã thể hiện tại phần nội dung vụ án và cung cấp tài liệu là “Sổ huê” cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. “Sổ huê” bà Trương Thị H cung cấp thể hiện thông tin họ tên chủ hụi, số tiền hụi viên phải đóng, ngày mở hụi và danh sách thành viên tham gia dây hụi, “Sổ huê” không thể hiện số tiền các hụi viên đã đóng, không có chữ ký xác nhận về việc nhận tiền hụi của chủ hụi, không thể hiện ngày hốt hụi, thành viên đã hốt hụi; bị đơn Hồ Thị Thanh L thừa nhận đã lập “Sổ huê” và cấp cho hụi viên nhưng không nhằm để xác nhận việc tham gia dây hụi. Do đó, tài liệu là “Sổ huê” do bà Trương Thị H cung cấp không có giá trị chứng minh lời trình bày của bà Trương Thị Hoàng về việc tham 09 dây hụi do bà Hồ Thị Thanh L làm chủ là có thật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hồ Thị Thanh L thừa nhận bà Trương Thị H có tham gia 06 dây hụi mở vào các ngày 15/01/2016, 05/4/2016, 10/5/2016 và 20/7/2016 âm lịch nên đủ cơ sở để xác định có việc bà Trương Thị H có tham gia 06 dây hụi mở vào các ngày 15/01/2016, 05/4/2016, 10/5/2016 và 20/7/2016 âm lịch, sự thừa nhận của bà Hồ Thị Thanh L là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Trương Thị H về khoản tiền nợ hụi: bà Trương Thị H cho rằng số tiền hụi thực tế đã đóng cho bà Hồ Thị Thanh L là 195.500.000 đồng nhưng không được bà Hồ Thị Thanh L thừa nhận, các tài liệu chứng cứ bà Trương Thị H cung cấp cho Tòa án cũng không có nội dung nào thể hiện bà Hồ Thị Thanh L đã nhận số tiền 195.500.000 đồng tiền hụi của bà Trương Thị H. Tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Hồ Thị Thanh L thừa nhận bà Trương Thị H đã đóng tiền hụi cho bà Liên với tổng số tiền 68.600.000 đồng, cụ thể: dây hụi mở ngày 15/01/2016 âm lịch bà Trương Thị H đã đóng 14.000.000 đồng, 02 dây hụi mở ngày 05/4/2016 âm lịch bà Trương Thị H đã đóng số tiền 29.400.000 đồng, 02 dây hụi mở ngày 10/5/2016 âm lịch bà Trương Thị H đã đóng số tiền 16.800.000 đồng, dây hụi mở ngày 20/7/2016 âm lịch bà Trương Thị H đã đóng số tiền 8.400.000 đồng. Lời khai thừa nhận của bà Hồ Thị Thanh L về số tiền hụi bà Trương Thị H đã đóng và đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do bà Hồ Thị Thanh L cung cấp thì hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định bà Trương Thị H có đóng tiền hụi của 06 dây hụi là 68.600.000 đồng cho bà Hồ Thị Thanh L. Mặt

khác, bà Hồ Thị Thanh L cho rằng trong tổng số 68.600.000 đồng tiền hui bà Trương Thị H đã đóng thì bà Hồ Thị Thanh L đã trả cho bà Trương Thị H số tiền 65.000.000 đồng và căn trừ số tiền 3.600.000 đồng còn lại vào tiền bà Trương Thị H mua trái cây, hoa cúng còn nợ của bà Hồ Thị Thanh L nên không đồng ý trả số tiền 68.600.000 đồng cho bà Trương Thị H; lời khai này của bà Hồ Thị Thanh L không được bà Trương Thị H thừa nhận và bà Hồ Thị Thanh L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Hoàng số tiền 68.600.000 đồng nợ hui. Do đó, đủ cơ sở để khẳng định bà Hồ Thị Thanh L còn nợ của của bà Trương Thị H số tiền 68.600.000 đồng tiền hui, nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

[2.3] Bà Trương Thị H và ông Huỳnh T là vợ chồng, khoản tiền đóng hui cho bà Hồ Thị Thanh L là tài sản chung. Do đó, cần buộc bà Hồ Thị Thanh L trả số tiền 68.600.000 đồng nợ hui cho bà Trương Thị H và ông Huỳnh T là phù hợp pháp luật. Ngoài ra, ông Đậu Quang T và bà Hồ Thị Thanh L là vợ chồng (ông T đã chết), quá trình giải quyết vụ án ông Đậu Quang T xác định không cùng bà Hồ Thị Thanh L tổ chức các dây hui, bà Trương Thị H xác định ông Đậu Quang T không liên quan nên không yêu cầu chịu trách nhiệm liên đới; xét đây là quyền định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: bị đơn bà Hồ Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 471, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui,

biểu, phường;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H về việc “Tranh chấp hui”.

1. Buộc bà Hồ Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị H và ông Huỳnh T số tiền 68.600.000 (sáu mươi tám triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị Thanh L phải chịu 3.430.000 (ba triệu bốn trăm ba mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Phương**



